TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - HạnH pHúc**

Bản án số: 91/2026/DS-ST
Ngày 19 - 3 - 2026
V/v tranH cHấp "Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Kim Kết
Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà M.

Ngày 19 tHáng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nHân dân KHu vực 4 - Cà M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2026/TLST- DS ngày 07 tHáng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tHáng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dư Minh H, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Khóm T H, phường Lý Văn L, tỉnh Cà M. Người đại diện theo ủy quyền của ông Dư Minh H là anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số 175 Kinh Rạch R, khóm Xóm L, phường Lý Văn L, tỉnh Cà M (theo văn bản uỷ quyền ngày 23/01/2026 - có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Đặng Quốc T, sinh năm 1968 (vắng mặt).
Địa cHỉ cư trú: Ấp T Phong A, xã Tạ An K, tỉnh Cà M.
2. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1972 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Thành A, xã Tạ An K, tỉnh Cà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Dư Minh H trình bày:* Vào khoảng năm 2005 ông Đặng Quốc T và bà Nguyễn Thị Kim L có lấy gạo nhiều lần của vựa gạo ông Dư Minh H làm chủ, khoảng 15 ngày đến lấy một lần, mỗi lần lấy ông H có ghi vào sổ theo dõi và ký nhận trong sổ khách hàng của ông H. Hai bên mua bán đến ngày 14/6/2009 chốt nợ là 103.420.000 đồng. Sau khi chốt nợ có lấy thêm 7 tấn gạo nữa và đã thanh toán xong, còn lại nợ 103.420.000 đồng hai bên không thỏa thuận khi nào trả. Hàng năm ông H đều có đòi nhà ông T và bà L hứa hẹn không thánh toán nợ. Nay ông H yêu cầu ông T và bà

L phải trả cho ông H số tiền mua gạo còn nợ là 103.420.000 đồng.

** Bị đơn:*

- *Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:* Bà thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Thời điểm bà và ông T còn sống chung có lấy gạo của ông H về bán lại cho người khác để tạo thu nhập làm chi phí sinh hoạt chung trong gia đình. Năm 2009 bà và ông T có chốt nợ với ông H còn nợ số tiền 103.420.000 đồng. Năm 2017 bà và ông T đã được Toà án giải quyết không công nhận là vợ chồng, nợ chung chưa phân chia. Nay bà đồng ý trả nợ cho ông H nhưng do bà bị bệnh, con đi học và nợ nhiều người nên không có khả năng trả nợ một lần cho ông H.

- *Ông Đặng Quốc T:* Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Ông Đặng Quốc T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Xét các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể Hiện tại giấy nợ ngày 14/6/2009 ông T và bà L thừa nhận có nợ ông H số tiền là 103.420.000 đồng và có hẹn đến ngày 14/8/2009 trả cho ông H. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận trong thời gian từ năm 2005 đến năm 2009 bà và ông T sống chung có mua gạo của ông H và còn nợ ông H số tiền nêu trên đến nay chưa trả được cho ông H. Bà L đồng ý trả nợ nhưng không có khả năng còn ông T không phản đối yêu cầu khởi kiện của ông H. Do đó, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền của hợp đồng mua bán tài sản: *"Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng"*. Quá trình giải quyết vụ án bà L xác định đây là nợ chung của bà và ông T. Do đó, buộc bà L và ông T phải trả cho ông H số tiền còn nợ là 103.420.000 đồng là phù Hợp, mỗi người có trách nhiệm trả ½.

[2] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông H không phải chịu. Ông T và bà L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 430, 440 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 NgHị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy địnH về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dư Minh H. Buộc ông Đặng Quốc T và bà Nguyễn Thị Kim L mỗi người phải trả cho ông Dư Minh H số tiền là 51.710.000 đồng.

Kể từ ngày ông Dư Minh H có đơn yêu cầu thi Hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng ông Đặng Quốc T và bà Nguyễn Thị Kim L còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ tHẩm: Ông Đặng Quốc T và bà Nguyễn Thị Kim L pHải chịu 2.585.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông H, bà L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Kim Kết	Nguyễn Hoàng Ảnh	Biện Thị Nhung

Nơi nHận:
- PHòng TT, KT và THA TAND tỉnH Cà M;
- VKSND KHu vực 4 – Cà M;
- PHòng THADS KHu vực 4- Cà M;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Biện THị NHung